

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU
ĐỒNG THÁP**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 25

1044
C
RÁCH
KH
.FC
CH
C
4 KI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Công ty

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5103000024 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp ngày 27 tháng 10 năm 2004. Trong quá trình hoạt động có sự thay đổi về vốn của Công ty đã được chuẩn y tại giấy phép đầu tư số 5103000024 ngày 30 tháng 04 năm 2007, số 5103000024 ngày 17 tháng 01 năm 2008. Do thêm ngành nghề kinh doanh Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 5 số 1400475345 ngày 07 tháng 12 năm 2009, thay đổi lần thứ 6 số 1400475345 ngày 06 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần 7 số 1400475345 ngày 25 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở Công ty được đặt tại Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán xăng dầu, nhớt.

Trong năm 2013, hoạt động chính của Công ty là:

- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số nhân viên của Công ty là 97 người (31/12/2012: 98 người).

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Đứng	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Xuân Nữ	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thới	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Vượng	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Mai An Mỹ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2013)

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc
Ông Mai An Mỹ	Phó giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Huỳnh	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 10/01/2013)
Bà Lưu Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Mai An Mỹ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/01/2013)
Bà Nguyễn Hồng Hải	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

NGUYỄN VĂN ĐUNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Số: 029/2014/BCKT-CT.025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CN CẦN THƠ
Thành phố Cần Thơ, ngày 20 tháng 03 năm 2014

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.077.134.070	12.784.178.782
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	2.806.173.608	5.105.679.878
Tiền	111		2.806.173.608	5.105.679.878
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		4.729.042.038	6.867.654.386
Phải thu khách hàng	131	4.2	4.114.076.896	6.680.826.564
Trả trước cho người bán	132	4.3	99.600.000	144.800.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	187.056.600
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	678.421.742	18.027.822
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(163.056.600)	(163.056.600)
Hàng tồn kho	140	4.5	246.421.372	6.195.249
Hàng tồn kho	141		246.421.372	6.195.249
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.295.497.052	804.649.269
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	530.848.164	275.673.269
Các khoản thuế phải thu	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.6	764.648.888	528.976.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.342.354.272	56.086.728.813
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		49.706.409.667	46.211.506.620
TSCĐ hữu hình	221	4.7	49.340.409.667	45.845.506.620
- Nguyên giá	222		75.049.189.899	67.694.962.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.708.780.232)	(21.849.455.943)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
TSCĐ vô hình	227	4.8	366.000.000	366.000.000
- Nguyên giá	228		366.000.000	366.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.9	7.513.399.947	7.513.399.947
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		12.463.976.460	12.463.976.460
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(4.950.576.513)	(4.950.576.513)
Tài sản dài hạn khác	260		2.122.544.658	2.361.822.246
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	2.122.544.658	2.361.822.246
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		68.419.488.342	68.870.907.595

00448
CỔ
RÁCH
KIẾ
LPC V
CH
CÁ
KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.496.667.495	7.237.710.473
Nợ ngắn hạn	310		4.411.667.495	7.237.710.473
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.11	1.007.211.223	2.287.335.712
Người mua trả tiền trước	313		16.325.140	130.783.147
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.12	1.128.401.117	537.587.835
Phải trả người lao động	315		1.293.979.056	1.222.798.933
Chi phí phải trả	316	4.13	682.373.350	441.170.670
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.14	559.902	2.309.077.923
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.15	282.817.707	308.956.253
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		85.000.000	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.16	85.000.000	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.922.820.847	61.633.197.122
Vốn chủ sở hữu	410	4.17	63.922.820.847	61.633.197.122
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.705.100.000	43.705.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.412.000	4.412.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		735.528.390	735.528.390
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		5.513.510.120	4.452.125.333
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.915.631.479	2.384.939.086
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		11.048.638.858	10.351.092.313
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		68.419.488.342	68.870.907.595

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại USD		75.167,82	79.788,91
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Clal



LÊ THỊ THANH
người lập biểu

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG QUÂN

Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu	01	5.1	67.095.263.787	57.363.505.849
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		67.095.263.787	57.363.505.849
Giá vốn hàng bán	11	5.2	22.889.975.466	18.909.385.150
Lợi nhuận gộp	20		44.205.288.321	38.454.120.699
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	253.671.071	1.284.927.941
Chi phí tài chính	22	5.4	26.809.291	20.720.328
- Trong đó: lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		24.170.025.017	21.476.589.736
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.749.859.709	6.119.237.807
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		12.512.265.375	12.122.500.769
Thu nhập khác	31	5.5	2.782.387.557	493.652.227
Chi phí khác	32	5.6	900.808.540	-
Lợi nhuận khác	40		1.881.579.017	493.652.227
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.393.844.392	12.616.152.996
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	3.547.196.838	2.002.305.129
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.846.647.554	10.613.847.867
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	2.482	2.429

Clal



LÊ THỊ THANH
người lập biểu

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và kinh doanh khác	01	73.327.634.287	57.689.469.230
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(45.906.010.769)	(34.823.988.474)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.983.140.822)	(6.593.802.792)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.106.463.076)	(1.708.227.847)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.997.716.291	4.715.915.587
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(8.179.189.342)	(7.378.425.603)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.150.546.569	11.900.940.101
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(8.800.571.707)	(6.262.699.473)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	2.318.181.818	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Chi tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	794.850.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	219.784.029	1.284.927.941
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.262.605.860)	(4.182.921.532)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.221.334.021)	(6.634.360.915)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.221.334.021)	(6.634.360.915)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.105.679.878	4.022.022.224
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	33.887.042	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.806.173.608	5.105.679.878

Chốt



LÊ THỊ THANH
người lập biểu

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG QUÂN

Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5103000024 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp ngày 27 tháng 10 năm 2004. Trong quá trình hoạt động có sự thay đổi về vốn của Công ty đã được chuẩn y tại giấy phép đầu tư số 5103000024 ngày 30 tháng 04 năm 2007, số 5103000024 ngày 17 tháng 01 năm 2008. Do thêm ngành nghề kinh doanh Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 5 số 1400475345 ngày 07 tháng 12 năm 2009, thay đổi lần thứ 6 số 1400475345 ngày 06 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần 7 số 1400475345 ngày 25 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở Công ty được đặt tại Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán xăng dầu, nhớt.

Trong năm 2013, hoạt động chính của Công ty là:

- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số nhân viên của Công ty là 97 người (31/12/2012: 98 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính ngoại trừ sự thay đổi trong chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng hướng dẫn kế toán mới như trình bày tại thuyết minh số 3.2.

3.2 Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10-25
Phương tiện vận tải đường sông	10-15

3.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí mua sắm tài sản mới hoàn chưa thành và không được tính khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.11 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn trong năm là chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ

3.12 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.13 Tiền lương

Đơn giá tiền lương, quỹ lương Giám đốc năm 2013 được phê duyệt theo công văn số 05/HĐTV-TMDK ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3.14 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 7%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích 2% lương cơ bản đưa vào chi phí và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%

3.15 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

3.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.18 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp	Đồng Tháp	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vận Tải Thành Lực	Đồng Tháp	Nhà đầu tư
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong	Cần Thơ	Nhà đầu tư
Công ty CP BMC Đồng Tháp	Đồng Tháp	Nhà đầu tư
Công ty CP Khách Sạn Mỹ Trà	Đồng Tháp	Nhà đầu tư
Công ty CP Vận Tải Biển Khai Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	Nhà đầu tư

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	3.676.480	301.530.850
Tiền gửi ngân hàng	2.802.497.128	4.804.149.028
- VND	1.217.959.482	3.145.960.205
- USD	1.584.537.646	1.658.188.823
	2.806.173.608	5.105.679.878

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
- USD	75.167,82	1.584.537.646
	75.167,82	1.584.537.646

4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	3.230.760.054	5.992.071.712
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	883.316.842	688.754.852
Dự phòng phải thu khó đòi	(163.056.600)	-
	3.951.020.296	6.680.826.564

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba	99.600.000	144.800.000
	99.600.000	144.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.4 Phải thu khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Cổ đông đã ứng trước cổ tức	510.314.400	-
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân	150.079.520	-
Phải thu khác	18.027.822	18.027.822
	678.421.742	18.027.822

4.5 Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên vật liệu	246.421.372	6.195.249
Cộng giá gốc hàng tồn kho	246.421.372	6.195.249

4.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng tiền trang bị cho tàu mới mua	429.582.888	-
Tạm ứng nhân viên đi công tác	335.066.000	528.976.000
	764.648.888	528.976.000

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2013	2.215.883.025	65.348.260.167	130.819.371	67.694.962.563
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	9.100.571.707	-	9.100.571.707
Thanh lý	-	(1.615.525.000)	-	(1.615.525.000)
Phân loại lại TSCĐ (*)	-	-	(130.819.371)	(130.819.371)
Vào ngày 31/12/2013	2.215.883.025	72.833.306.874	-	75.049.189.899
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2013	169.582.475	21.551.319.669	128.553.799	21.849.455.943
Khấu hao trong năm	158.277.360	4.868.152.494	2.265.572	5.028.695.426
Thanh lý	-	(1.038.551.766)	-	(1.038.551.766)
Phân loại lại TSCĐ (*)	-	-	(130.819.371)	(130.819.371)
Vào ngày 31/12/2013	327.859.835	25.380.920.397	-	25.708.780.232
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2013	2.046.300.550	43.796.940.498	2.265.572	45.845.506.620
Vào ngày 31/12/2013	1.888.023.190	47.452.386.477	-	49.340.409.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(*) Phân loại lại tài sản cố định trong năm là do kết chuyển các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 VND sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2013 có các tài sản có nguyên giá 0 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 57.928.461 VND).

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

4.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư dài hạn khác	(i)	12.463.976.460	12.463.976.460
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(ii)	<u>(4.950.576.513)</u>	<u>(4.950.576.513)</u>
		<u>7.513.399.947</u>	<u>7.513.399.947</u>

(i) Thông tin chi tiết về các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty góp vốn đầu tư	31/12/2013			01/01/2013		
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong	5.604.000.000	6,03	6,03	5.604.000.000	6,03	6,03
Công ty CP BMC Đồng Tháp	2.626.576.460	14,06	14,06	2.626.576.460	14,06	14,06
Công ty CP Khách Sạn Mỹ Trà	300.000.000	0,57	0,57	300.000.000	0,57	0,57
Công ty CP Khai Nguyên	3.933.400.000	11,11	11,11	3.933.400.000	11,11	11,11
	<u>12.463.976.460</u>			<u>12.463.976.460</u>		

(ii) Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu năm	4.950.576.513	4.950.576.513
Tăng dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập	-	-
Số dư cuối năm	<u>4.950.576.513</u>	<u>4.950.576.513</u>

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí MeKong theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009, Thông tư 89 có hiệu lực từ ngày 26 tháng 07 năm 2013. Số liệu dùng làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn căn cứ và Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí MeKong chưa được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	2.122.544.658	2.361.822.246
	<u>2.122.544.658</u>	<u>2.361.822.246</u>

4.11 Phải trả người bán

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải trả người bán – Bên liên quan	-	248.276.206
Phải trả người bán – Bên thứ ba	1.007.211.223	2.039.059.506
	<u>1.007.211.223</u>	<u>2.287.335.712</u>

4.12 Thuế

Thuế GTGT được khấu trừ

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	530.848.164	275.673.269
	<u>530.848.164</u>	<u>275.673.269</u>

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	978.321.597	537.587.835
Thuế thu nhập cá nhân	150.079.520	-
	<u>1.128.401.117</u>	<u>537.587.835</u>

4.13 Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trích trước chi phí đi Campuchia	682.373.350	441.170.670
	<u>682.373.350</u>	<u>441.170.670</u>

4.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải trả cổ tức	559.902	2.229.077.923
Nhận ký quỹ ngắn hạn	-	80.000.000
	<u>559.902</u>	<u>2.309.077.923</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.15 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu năm	308.956.253	446.588.266
Trích lập quỹ	1.249.107.829	750.572.637
Chi quỹ	(1.275.246.375)	(888.204.650)
Số dư cuối năm	<u>282.817.707</u>	<u>308.956.253</u>

4.16 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nhận ký quỹ dài hạn	85.000.000	-
	<u>85.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.17 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	43.705.100.000	4.412.000	735.528.390	3.701.552.696	2.009.852.767	4.469.182.039	54.625.627.892
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	10.613.847.867	10.613.847.867
Trích lập quỹ	-	-	-	750.572.637	375.086.319	(1.125.658.956)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(750.572.637)	(750.572.637)
Chi thù lao HĐQT&BKS	-	-	-	-	-	(77.400.000)	(77.400.000)
Chi thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(156.000.000)	(156.000.000)
Chia 6% còn lại cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(2.622.306.000)	(2.622.306.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	43.705.100.000	4.412.000	735.528.390	4.452.125.333	2.384.939.086	10.351.092.313	61.633.197.122
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	10.846.647.554	10.846.647.554
Trích lập quỹ	-	-	-	1.061.384.787	530.692.393	(1.592.077.180)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.249.107.829)	(1.249.107.829)
Chi thù lao HĐQT&BKS	-	-	-	-	-	(158.100.000)	(158.100.000)
Chi thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(157.000.000)	(157.000.000)
Chia 16% cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(6.992.816.000)	(6.992.816.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	43.705.100.000	4.412.000	735.528.390	5.513.510.120	2.915.631.479	11.048.638.858	63.922.820.847

Trong năm 2013 Công ty phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận năm 2012 theo Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 26 tháng 04 năm 2014, chi thưởng Ban điều hành theo Biên bản họp ngày 17 tháng 01 năm 2014. Trong năm 2013 Công ty có tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2013 số tiền là: 400.000.000 VND theo đề nghị được duyệt ngày 27 tháng 09 năm 2013.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	4.370.510	43.705.100.000	4.370.510	43.705.100.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	43.705.100.000	4.370.510	43.705.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	43.705.100.000	4.370.510	43.705.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm 2013		Năm 2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	4.370.510	43.705.100.000	4.370.510	43.705.100.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	-	-
Giảm vốn cổ phần trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>

4.18 Cổ tức

Theo Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 26 tháng 04 năm 2013 Công ty đã chia khoản cổ tức là: 6.992.816.000 VND (1.600 VND trên một cổ phiếu)

4.19 Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Theo biên bản họp đại hội cổ đông thường niên vào ngày 26/04/2013, Công ty đã trích lập 10% từ lợi nhuận sau thuế vào Quỹ Đầu tư và phát triển, quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Quỹ dự phòng tài chính

Theo biên bản họp đại hội cổ đông thường niên vào ngày 26/04/2013, Công ty đã trích lập 5% từ lợi nhuận sau thuế vào Quỹ dự phòng tài chính nhằm mục đích bù đắp rủi ro về tài chính trong tương lai.

A4899
 CÔNG
 CHẾ NHÌ
 KIỂM
 FC VI
 CHỈ
 CÁI
 KIẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	66.162.079.242	56.321.235.849
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	933.184.545	1.042.270.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	67.095.263.787	57.363.505.849

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận chuyển	22.889.975.466	18.909.385.150
	22.889.975.466	18.909.385.150

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi	48.614.029	35.368.541
Cổ tức, lợi nhuận được chia	171.170.000	1.174.409.400
Lãi bán cổ phần	-	75.150.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.887.042	-
	253.671.071	1.284.927.941

5.4 Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.388.791	10.720.328
Chi phí tài chính khác	3.420.500	10.000.000
	26.809.291	20.720.328

5.5 Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.318.181.818	-
Thu nhập từ bán phế liệu	10.000.000	18.000.000
Kết chuyển quỹ dự phòng trợ cấp mất việc	-	29.510.000
Thu hoa hồng	33.229.000	52.670.305
Thu nhập khác	420.976.739	393.471.922
	2.782.387.557	493.652.227

5.6 Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	576.973.234	-
Chi phí khác	323.835.306	-
	900.808.540	-

S-002
GTY
M HỮU
TOÁN
BTN
HÀNH
THO
- TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.7 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.393.844.392	12.616.152.996
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(205.057.042)	(1.174.409.400)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Chi phí không được trừ	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(205.057.042)	(1.174.409.400)
- Thu nhập từ cổ tức được chia	(171.170.000)	(1.174.409.400)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(33.887.042)	-
Thu nhập tính thuế	14.188.787.350	11.441.743.596
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	3.547.196.838	2.860.435.899
Thuế TNDN giảm 30% đối với DN vừa và nhỏ	-	(858.130.770)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.547.196.838	2.002.305.129

5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	22.896.065.466	20.654.973.872
Chi phí nhân công	9.944.447.199	8.294.780.223
Chi phí khấu hao	5.028.695.426	4.522.672.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	678.473.090	-
Chi phí khác	16.262.179.011	13.032.786.437
	54.809.860.192	46.505.212.693

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là : 10.846.647.554 VND (2012: 10.613.847.867 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 4.370.510 cổ phiếu (2012: 4.370.510 cổ phiếu), được tính như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.846.647.554	10.613.847.867
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.846.647.554	10.613.847.867
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.370.510	4.370.510
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.482	2.429

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Phải trả người bán	1.007.211.223	-	1.007.211.223
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	682.933.252	-	682.933.252
Nhận ký quỹ	-	85.000.000	85.000.000
	1.690.144.475	85.000.000	1.775.144.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Phải trả người bán	2.287.335.712	-	2.287.335.712
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.670.248.593	-	2.670.248.593
Nhận ký quỹ	80.000.000	-	80.000.000
	5.037.584.305	-	5.037.584.305

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	720.260.242	688.754.852	720.260.242	688.754.852
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	3.230.760.054	5.992.071.712	3.230.760.054	5.992.071.712
<i>Các khoản phải thu khác</i>	678.421.742	42.027.822	678.421.742	42.027.822
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	7.513.399.947	7.513.399.947	7.513.399.947	7.513.399.947
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	2.806.173.608	5.105.679.878	2.806.173.608	5.105.679.878
Tổng cộng	14.949.015.593	19.341.934.211	14.949.015.593	19.341.934.211

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	248.276.206	-	248.276.206
<i>Phải trả người bán</i>	1.007.211.223	2.039.059.506	1.007.211.223	2.039.059.506
<i>Phải trả khác</i>	682.933.252	2.670.248.593	682.933.252	2.670.248.593
<i>Nhận ký quỹ</i>	85.000.000	80.000.000	85.000.000	80.000.000
Tổng cộng	1.775.144.475	5.037.584.305	1.775.144.475	5.037.584.305

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp	Thu cước vận chuyển	52.835.793.703	44.632.963.579



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
	Trả cổ tức	5.795.285.600	5.349.494.400
	Trả tiền bồi thường hàng thiếu	4.112.151.595	3.569.571.272
	Phải trả tiền thuê tàu	180.000.000	180.000.000
Công ty TNHH MTV Vận Tải Thành Lược	Trả cổ tức	375.751.840	140.870.000
	Phải trả tiền thuê tàu	-	203.276.206
Công ty CP BMC Đồng Tháp	Nhận cổ tức	-	151.889.400
Công ty CP Khách Sạn Mỹ Trà	Nhận cổ tức	4.500.000	7.500.000
Công ty CP Vận Tải Biển Khai Nguyên	Nhận cổ tức	166.670.000	1.000.020.000

Số dư các khoản phải thu/phải trả với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu các bên liên quan			
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp	Thu cước vận chuyển	3.230.760.054	5.992.071.712
Phải trả các bên liên quan			
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp	Cổ tức	-	2.229.077.923
	Thuê tàu	-	45.000.000
Công ty TNHH MTM Vận Tải Thành Lược	Thuê tàu	-	203.276.206



7.2 Lương thưởng và thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính như sau :

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương và thưởng	665.500.000	543.000.000
Thù lao	158.100.000	77.400.000
	823.600.000	620.400.000

clal



LÊ THỊ THANH
Người lập biểu

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2014